

PRODUCTS CATALOGUE MD (BẢNG GIÁ 2024-2025)

Giá chưa bao gồm VAT

(THIẾT BỊ KẾT NỐI CÔNG NGHIỆP PHÙ HỢP TOÀN THẾ GIỚI)
Industrial Interconnecting
Devices Suitable For The Whole World





DO NGƯỜI TIÊU DÙNG
BÌNH CHỌN

CÔNG TY TNHH TM VÀ XNK MẠNH DŨNG được thành lập tháng 7 năm 2017.
Trụ sở tại số 10, Ngõ 202 Đường Cổ Linh, Long Biên, Hà Nội.

Là doanh nghiệp đi đầu trong việc sản xuất và phân phối phích cắm và ổ cắm công nghiệp “Made in Vietnam” với 2 dòng sản phẩm chính là MDCE và MDPLUS.
Từ khi thành lập đến nay, Mạnh Dũng đã không ngừng lớn mạnh và liên tục phát triển về quy mô bằng việc mở thêm nhà máy sản xuất tại Bắc Ninh.

Với trang thiết bị hiện đại, quy trình quản lý sản xuất chuyên nghiệp, đội ngũ kỹ thuật lành nghề, công ty Mạnh Dũng mang đến những sản phẩm có chất lượng cao, tiến độ giao hàng đảm bảo, giá thành hợp lý nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng.

Thế mạnh của công ty Mạnh Dũng là mang lại sự khác biệt cho khách hàng với dòng sản phẩm MDCE - phích cắm ổ cắm công nghiệp phổ thông phục vụ đa số khách hàng công trường, nhà máy.... Ngoài ra chúng tôi còn đem đến khách hàng dòng sản phẩm MDPLUS - phích cắm và ổ cắm công nghiệp cao cấp và nhiều sản phẩm phụ trợ khác. Tiêu chí của công ty là an toàn - tiêu chuẩn - chất lượng.

Với phương châm “hợp tác để cùng thành công” và định hướng “liên tục cải tiến”, Mạnh Dũng luôn nỗ lực xây dựng uy tín, thương hiệu, niềm tin với khách hàng với những sản phẩm chúng tôi cung cấp.

Sự tin tưởng và ủng hộ của khách hàng trong suốt thời gian qua là nguồn động viên to lớn trên bước đường phát triển của Mạnh Dũng.

Chúng tôi cam kết không ngừng hoàn thiện để đem lại cho quý khách hàng sự hài lòng, tin cậy về chất lượng sản phẩm!





MD013 - MD023



MD213 - MD223



MD1013



MDP213 - MDP223



MDP313 - MDP323



MD014 - MD024



MD214 - MD224



MDP113 - MDP123



MDP113 - MDP123



MD015 - MD025



MD215 - MD225



MDP013 - MDP023



MDP114 - MDP124



MD113 - MD123



MDP014 - MDP024



MD114 - MD124



MDP115 - MDP125



MDP015 - MDP025



Hộp nguồn thí công 3 pha



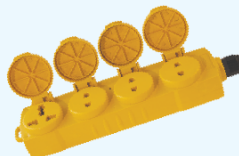
Hộp nguồn nhựa 1 pha



Hộp nguồn thí công 1 pha



Phích cắm chịu tải kiểu Schuko



Ổ cắm chịu tải đa năng 4 lỗ IP54



Ổ cắm chịu tải đa năng 3 lỗ IP54

CHỨNG CHỈ CHẤT LƯỢNG

Quatest 1 Trung tâm Kỹ thuật Chất lượng Việt Nam
Quality Assurance and Testing Center
Số 147 Nguyễn Văn Linh, Quận Thủ Đức, TP. HCM
Số điện thoại: 028.3511.2222

Số: 19 / 3471 / T22-02 Trang: 1 / 3

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

1. Tên mẫu thử: Phích cắm công nghiệp

2. Khách hàng: Công ty TNHH Thương mại và Xuất nhập khẩu Minh Đăng

3. Kịch bản: MDCX 16A - 60/220 - 240V - Type 013

4. Số lượng mẫu: 01

5. Thời trạng mẫu: MĐ

6. Ngày nhận mẫu: 18/07/2019

7. Ngày trả nghiệm: 29/07/07/08/2019

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM ĐỀN, BIÊN TỰ VÀ HIỆU SUẤT NĂNG LƯỢNG
Đặng Thành Tùng

TC. GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Ngọc

1. Phích cắm công nghiệp có giới hạn về nhiệt độ do đánh bóng điện.
2. Không được sử dụng để kết nối thiết bị không tương thích, gây ảnh hưởng an toàn cho người dùng.
3. Không được sử dụng để kết nối thiết bị không tương thích, gây ảnh hưởng an toàn cho người dùng.
4. Không được sử dụng để kết nối thiết bị không tương thích, gây ảnh hưởng an toàn cho người dùng.

Quatest 1 Trung tâm Kỹ thuật Chất lượng Việt Nam
Quality Assurance and Testing Center
Số 147 Nguyễn Văn Linh, Quận Thủ Đức, TP. HCM
Số điện thoại: 028.3511.2222

Số: 19 / 3471 / T22-02 Trang: 2 / 3

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Mức quy định	Kết quả
1	Hệ thống tiếp xúc của chốt điện 22A	°C	IEC 60300-1	≤ 50	20,5
2	Điện trở cách điện (U ₀ 500V/2C)	MΩ	Yêu cầu của khách hàng	> 5	> 10 ⁷
3	Hệ thống tiếp xúc của chốt điện 240V	MΩ	Yêu cầu của khách hàng	> 5	> 10 ⁷
3	Hệ thống tiếp xúc của chốt điện 240V	MΩ	Yêu cầu của khách hàng	> 5	> 10 ⁷
4	Khả năng chịu nhiệt	-	-	-	Đạt
4	Khả năng chịu nhiệt	-	-	-	Không bị phóng điện
4	Khả năng chịu nhiệt	-	-	-	Đạt
4	Khả năng chịu nhiệt	-	-	-	Đạt
4.1	Thiết bị nối với chốt bộ phận chốt điện gắn vào bộ phận mang điện ở 220V/2C trong 1h	mm	-	≤ 2	1,1
4.2	Thiết bị nối với chốt bộ phận chốt điện khác ở 220V/2C trong 1h	mm	-	≤ 2	0,9

TC. GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Ngọc

Quatest 1 Trung tâm Kỹ thuật Chất lượng Việt Nam
Quality Assurance and Testing Center
Số 147 Nguyễn Văn Linh, Quận Thủ Đức, TP. HCM
Số điện thoại: 028.3511.2222


Số: 19 / 3471 / T22-02 Trang: 3 / 3

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Mức quy định	Kết quả
5.1	Khả năng chịu nhiệt thử thông, chấp	-	-	-	Đạt
5.1	Thiết bị tiếp xúc với chốt điện	-	-	-	Đạt
5.1	Thiết bị tiếp xúc với chốt điện	-	-	-	Đạt

TC. GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Ngọc



Quatest 1 Trung tâm Kỹ thuật Chất lượng Việt Nam
Quality Assurance and Testing Center
Số 147 Nguyễn Văn Linh, Quận Thủ Đức, TP. HCM
Số điện thoại: 028.3511.2222

Số: 19 / 3471 / T22-02 Trang: 1 / 3

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

1. Tên mẫu thử: Ổ cắm công nghiệp

2. Khách hàng: Công ty TNHH Thương mại và Xuất nhập khẩu Minh Đăng

3. Kịch bản: MDCX 16A - 60/220 - 240V - Type 213

4. Số lượng mẫu: 01

5. Thời trạng mẫu: MĐ

6. Ngày nhận mẫu: 18/07/2019

7. Ngày trả nghiệm: 29/07/07/08/2019

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM ĐỀN, BIÊN TỰ VÀ HIỆU SUẤT NĂNG LƯỢNG
Đặng Thành Tùng

TC. GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Ngọc

1. Phích cắm công nghiệp có giới hạn về nhiệt độ do đánh bóng điện.
2. Không được sử dụng để kết nối thiết bị không tương thích, gây ảnh hưởng an toàn cho người dùng.
3. Không được sử dụng để kết nối thiết bị không tương thích, gây ảnh hưởng an toàn cho người dùng.
4. Không được sử dụng để kết nối thiết bị không tương thích, gây ảnh hưởng an toàn cho người dùng.

Quatest 1 Trung tâm Kỹ thuật Chất lượng Việt Nam
Quality Assurance and Testing Center
Số 147 Nguyễn Văn Linh, Quận Thủ Đức, TP. HCM
Số điện thoại: 028.3511.2222

Số: 19 / 3471 / T22-02 Trang: 2 / 3

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Mức quy định	Kết quả
1	Hệ thống tiếp xúc của chốt điện 22A	°C	IEC 60300-1	≤ 50	20,5
2	Điện trở cách điện (U ₀ 500V/2C)	MΩ	Yêu cầu của khách hàng	> 5	> 10 ⁷
3	Hệ thống tiếp xúc của chốt điện 240V	MΩ	Yêu cầu của khách hàng	> 5	> 10 ⁷
3	Hệ thống tiếp xúc của chốt điện 240V	MΩ	Yêu cầu của khách hàng	> 5	> 10 ⁷
4	Khả năng chịu nhiệt	-	-	-	Đạt
4	Khả năng chịu nhiệt	-	-	-	Không bị phóng điện
4	Khả năng chịu nhiệt	-	-	-	Đạt
4	Khả năng chịu nhiệt	-	-	-	Đạt
4.1	Thiết bị nối với chốt bộ phận chốt điện gắn vào bộ phận mang điện ở 220V/2C trong 1h	mm	-	≤ 2	1,2
4.2	Thiết bị nối với chốt bộ phận chốt điện khác ở 220V/2C trong 1h	mm	-	≤ 2	0,8

TC. GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Ngọc

Quatest 1 Trung tâm Kỹ thuật Chất lượng Việt Nam
Quality Assurance and Testing Center
Số 147 Nguyễn Văn Linh, Quận Thủ Đức, TP. HCM
Số điện thoại: 028.3511.2222


Số: 19 / 3471 / T22-02 Trang: 3 / 3

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Mức quy định	Kết quả
5.1	Khả năng chịu nhiệt thử thông, chấp	-	-	-	Đạt
5.1	Thiết bị tiếp xúc với chốt điện	-	-	-	Đạt
5.1	Thiết bị tiếp xúc với chốt điện	-	-	-	Đạt

TC. GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Ngọc



Quatest 1 Trung tâm Kỹ thuật Chất lượng Việt Nam
Quality Assurance and Testing Center
Số 147 Nguyễn Văn Linh, Quận Thủ Đức, TP. HCM
Số điện thoại: 028.3511.2222

Số: 19 / 3471 / T22-02 Trang: 1 / 3

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

1. Tên mẫu thử: Ổ cắm công nghiệp

2. Khách hàng: Công ty TNHH Thương mại và Xuất nhập khẩu Minh Đăng

3. Kịch bản: MDCX 16A - 60/220 - 240V - Type 1013

4. Số lượng mẫu: 01

5. Thời trạng mẫu: MĐ

6. Ngày nhận mẫu: 18/07/2019

7. Ngày trả nghiệm: 29/07/07/08/2019

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM ĐỀN, BIÊN TỰ VÀ HIỆU SUẤT NĂNG LƯỢNG
Đặng Thành Tùng

TC. GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Ngọc

1. Phích cắm công nghiệp có giới hạn về nhiệt độ do đánh bóng điện.
2. Không được sử dụng để kết nối thiết bị không tương thích, gây ảnh hưởng an toàn cho người dùng.
3. Không được sử dụng để kết nối thiết bị không tương thích, gây ảnh hưởng an toàn cho người dùng.
4. Không được sử dụng để kết nối thiết bị không tương thích, gây ảnh hưởng an toàn cho người dùng.

Quatest 1 Trung tâm Kỹ thuật Chất lượng Việt Nam
Quality Assurance and Testing Center
Số 147 Nguyễn Văn Linh, Quận Thủ Đức, TP. HCM
Số điện thoại: 028.3511.2222

Số: 19 / 3471 / T22-02 Trang: 2 / 3

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Mức quy định	Kết quả
1	Hệ thống tiếp xúc của chốt điện 22A	°C	IEC 60300-1	≤ 50	20,5
2	Điện trở cách điện (U ₀ 500V/2C)	MΩ	Yêu cầu của khách hàng	> 5	> 10 ⁷
3	Hệ thống tiếp xúc của chốt điện 240V	MΩ	Yêu cầu của khách hàng	> 5	> 10 ⁷
3	Hệ thống tiếp xúc của chốt điện 240V	MΩ	Yêu cầu của khách hàng	> 5	> 10 ⁷
4	Khả năng chịu nhiệt	-	-	-	Đạt
4	Khả năng chịu nhiệt	-	-	-	Không bị phóng điện
4	Khả năng chịu nhiệt	-	-	-	Đạt
4	Khả năng chịu nhiệt	-	-	-	Đạt
4.1	Thiết bị nối với chốt bộ phận chốt điện gắn vào bộ phận mang điện ở 220V/2C trong 1h	mm	-	≤ 2	1,1
4.2	Thiết bị nối với chốt bộ phận chốt điện khác ở 220V/2C trong 1h	mm	-	≤ 2	0,8

TC. GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Ngọc

Quatest 1 Trung tâm Kỹ thuật Chất lượng Việt Nam
Quality Assurance and Testing Center
Số 147 Nguyễn Văn Linh, Quận Thủ Đức, TP. HCM
Số điện thoại: 028.3511.2222

Số: 19 / 3471 / T22-02 Trang: 3 / 3

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Mức quy định	Kết quả
5.1	Khả năng chịu nhiệt thử thông, chấp	-	-	-	Đạt
5.1	Thiết bị tiếp xúc với chốt điện	-	-	-	Đạt
5.1	Thiết bị tiếp xúc với chốt điện	-	-	-	Đạt

TC. GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Ngọc



Hình ảnh Picture	Mã số/ Diễn giải Cat. No./Description	Đơn giá ^(VNĐ) (Unit Price)	Hình ảnh Picture	Mã số/ Diễn giải Cat. No./Description	Đơn giá ^(VNĐ) (Unit Price)
---------------------	--	--	---------------------	--	--

Phích cắm loại di động có kẹp giữ dây

	MD013 (100c/thùng) • 16A-220V-240V-2P+E-IP44	22.000
	MD023 (60c/thùng) • 32A-220V-240V-2P+E-IP44	42.000
	MD033 (10c/thùng) • 63A-220V-240V-2P+E-IP67	300.000
	MD014 (100c/thùng) • 16A-380V-415V-3P+E-IP44	32.000
	MD024 (60c/thùng) • 32A-380V-415V-3P+E-IP44	50.000
	MD015 (60c/thùng) • 16A-380V-415V-3P+E+N-IP44	44.000
	MD025 (60c/thùng) • 32A-380V-415V-3P+E+N-IP44	62.000



Ổ cắm loại di động có kẹp giữ dây

	MD213 (100c/thùng) • 16A-220V-240V-2P+E-IP44	25.000
	MD223 (60c/thùng) • 32A-220V-240V-2P+E-IP44	45.000
	MD233 (10c/thùng) • 63A-220V-240V-2P+E-IP67	330.000
	MD214 (100c/thùng) • 16A-380V-415V-3P+E-IP44	34.000
	MD224 (60c/thùng) • 32A-380V-415V-3P+E-IP44	53.000
	MD215 (60c/thùng) • 16A-380V-415V-3P+E+N-IP44	46.000
	MD225 (60c/thùng) • 32A-380V-415V-3P+E+N-IP44	65.000



Ổ cắm loại cố định bắt trên tường 1 pha

	MD113 (60c/thùng) • 16A-220V-240V-2P+E-IP44	30.000
	MD123 (60c/thùng) • 32A-220V-240V-2P+E-IP44	47.000
	MD133 (10c/thùng) • 63A-220V-240V-2P+E-IP67	340.000


Ổ cắm loại cố định bắt trên tường 3 pha

	MD114 (60c/thùng) • 16A-380V-415V-3P+E-IP44	40.000
	MD124 (60c/thùng) • 32A-380V-415V-3P+E-IP44	55.000
	MD115 (60c/thùng) • 16A-380V-415V-3P+E+N-IP44	48.000
	MD125 (60c/thùng) • 32A-380V-415V-3P+E+N-IP44	67.000

Ổ cắm loại cố định bắt trên bảng điện


	MD313 (120c/thùng) • 16A-220V-240V-2P+E-IP44	25.000
	MD323 (60c/thùng) • 32A-220V-240V-2P+E-IP44	44.000
	MD314 (60c/thùng) • 16A-380V-3P+E-IP44	38.000
	MD315 (60c/thùng) • 16A-380V-3P+E+N-IP44	46.000
	MD324 (60c/thùng) • 32A-380V-3P+E-IP44	48.000
	MD325 (60c/thùng) • 32A 380V 3P+E+N IP44	65.000

Ổ cắm loại di động có kẹp giữ dây 3 Pha


	MD234 (10c/thùng) • 63A-380V-415V-3P+E-IP67	350.000
	MD235 (10c/thùng) • 63A-380V-415V-3P+E+N-IP67	360.000
	MD244 (10c/thùng) • 125A-380V-415V-3P+E-IP67	1.150.000
	MD245 (10c/thùng) • 125A-380V-415V-3P+E+N-IP67	1.200.000

Hình ảnh Picture	Mã số/ Diễn giải Cat. No./Description	Đơn giá (VNĐ) (Unit Price)	Hình ảnh Picture	Mã số/ Diễn giải Cat. No./Description	Đơn giá (VNĐ) (Unit Price)
---------------------	--	-------------------------------	---------------------	--	-------------------------------




Phích cắm loại di động có kẹp giữ dây

	MD034 (10c/thùng) • 63A-380V-415V-3P+E-IP67	330.000
	MD035 (10c/thùng) • 63A-380V-415V-3P+E+N-IP67	350.000
	MD044 (10c/thùng) • 125A-380V-415V-3P+E-IP67	1.000.000
	MD045 (10c/thùng) • 125A-380V-415V-3P+E+N-IP67	1.150.000


Ổ cắm loại cố định bắt trên tường

	MD134 (10c/thùng) • 63A-380V-415V-3P+E-IP67	360.000
	MD135 (10c/thùng) • 63A-380V-415V-3P+E+N-IP67	370.000
	MD144 (10c/thùng) • 125A-380V-415V-3P+E-IP67	1.200.000
	MD145 (10c/thùng) • 125A-380V-415V-3P+E+N-IP67	1.300.000


Phích ổ cắm 2 chân cho máy phát điện

	MD012 DTD (120c/thùng) • 16A-240V-2P+E-IP54	20.000
	MD112 (60c/thùng) • 16A-240V-2P+E-IP44	35.000
	MD212 (100c/thùng) • 16A-240V-2P+E-IP44	45.000
	MD312 TM (200c/thùng) • 16A-240V-2P+E-IP44	33.000
	MD312 SX (200c/thùng) • 16A-240V-2P+E-IP44	42.000


Bộ chia 2 và chia 3 công nghiệp

	MD1013 (20c/thùng) (chia 3 CN 3x16A) • 16A-240V-2P+E-IP44	125.000
	MD1012 (20c/thùng) (chia 2 CN 3x16A) • 16A-240V-2P+E-IP44	110.000
	MD1023 (10c/thùng) (chia 3 CN 3x32A) • 32A-240V-2P+E-IP44	420.000
	MD1014 (20c/thùng) (chia 3 CN 4x 16A) • 16A-380V-415V-3P+E-IP44	170.000
	MD1024 (10c/thùng) (chia 3 CN 4x32A) • 32A-380V-415V-3P+E-IP44	500.000

Ổ cắm dùng cho Container

	MD2242-3 (20c/thùng) • 32A-380V-415V-3P+E-3H-IP67	320.000
	MD1242-3 (20c/thùng) • 32A-380V-415V-3P+E-3H-IP67	350.000

Phích cắm dùng cho Container

	MD0242-3 (20c/thùng) • 32A-380V-415V-3P+E-3H-IP67	300.000
---	---	---------

Hình ảnh Picture	Mã số/ Diễn giải Cat. No./Description	Đơn giá (VNĐ) (Unit Price)	Hình ảnh Picture	Mã số/ Diễn giải Cat. No./Description	Đơn giá (VNĐ) (Unit Price)
---------------------	--	-------------------------------	---------------------	--	-------------------------------

Phích cắm loại di động có kẹp giữ dây

	MDP0132 (100c/thùng) • 16A-240V-2P+E-IP67	85.000
	MD0232 (60c/thùng) • 32A-240V-2P+E-IP67	147.000
	MD0142 (60c/thùng) • 16A-380V~415V-3P+E-IP67 MD0242 (60c/thùng) • 32A-380V-415V-3P+E-IP67	120.000 168.000
	MD0152 (60c/thùng) • 16A-380V~415V-3P+E+N-IP67 MD0252 (60c/thùng) • 32A-380V~415V-3P+E+N-IP67	160.000 190.000

Ổ cắm loại di động có kẹp giữ dây

	MDP2132 • 16A-240V-2P+E-IP67	90.000
	MD2232 (20c/thùng) • 32A-240V-2P+E-IP67	155.000
	MD2142 (60c/thùng) • 16A-380V~415V-3P+E-IP67 MD2242 (20c/thùng) • 32A-380V-415V-3P+E-IP67	130.000 180.000
	MD2152 (60c/thùng) • 16A-380V~415V-3P+E+N-IP67 MD2252 (20c/thùng) • 32A-380V~415V-3P+E+N-IP67	165.000 195.000



Ổ cắm loại cố định bắt trên tường















	MDP1132 (60c/thùng) • 16A-240V-2P+E-IP67	90.000
	MD1232 (60c/thùng) • 32A-240V-2P+E-IP67	160.000
	MD1242 (60c/thùng) • 32A-380V-415V-3P+E-IP67 MD1142 (60c/thùng) • 32A-380V-415V-3P+E-IP67	180.000 140.000
	MD1152 (60c/thùng) • 16A-380V~415V-3P+E+N-IP67 MD1252 (60c/thùng) • 32A-380V~415V-3P+E+N-IP67	170.000 200.000
	MDP10132 (16c/thùng) Chia 3 Công nghiệp 3x16A IP67 • 16A-220V~240V-2P+E-IP67	450.000

Ổ cắm công nghiệp gắn tủ

	MDP3132 (72c/thùng) • 16A-220V~240V-2P+E-IP67	80.000
	MD3232 (120c/thùng) • 32A-220V~240V-2P+E-IP67	150.000
	MDP413 (60c/thùng) Ổ gắn tủ dạng nghiêng 3x16A • 16A-220V~240V-2P+E MDP423 Ổ gắn tủ dạng nghiêng 3x32A • 32A-220V~240V-2P+E	90.000 135.000

Phích cắm ngược gắn tủ

	MD613 (200c/thùng) • 16A-240V-2P+E MD623 (60c/thùng) • 32A-240V-2P+E	50.000 80.000
	MD624 (60c/thùng) • 32A-380V-3P+E MD625 (60c/thùng) • 32A-380V-3P+E+N	90.000 105.000

Hình ảnh Picture	Mã số/ Diễn giải Cat. No./Description	Đơn giá (VNĐ) (Unit Price)	Hình ảnh Picture	Mã số/ Diễn giải Cat. No./Description	Đơn giá (VNĐ) (Unit Price)
	MDP-013 (100c/thùng) • Phích cắm công nghiệp 2P+E 16A 220~250V	52.000		MDP-213 (100c/thùng) • Ổ cắm công nghiệp 2P+E 16A 220~250V	70.000
	MDP-023 (60c/thùng) • Phích cắm công nghiệp 2P+E 32A 220~250V	100.000		MDP-223 (60c/thùng) • Ổ cắm công nghiệp 2P+E 32A 220~250V	130.000
	MDP-014 (60c/thùng) • Phích cắm công nghiệp 3P+E 16A 380~420V	74.000		MDP-214 (60c/thùng) • Ổ cắm công nghiệp 3P+E 16A 380~420V	97.000
	MDP-024 (60c/thùng) • Phích cắm công nghiệp 3P+E 32A 380~420V	120.000		MDP-224 (60c/thùng) • Ổ cắm công nghiệp 3P+E 32A 380~420V	140.000
	MDP-015 (60c/thùng) • Phích cắm công nghiệp 3P+N+E 16A 380~420V	105.000		MDP-215 (60c/thùng) • Ổ cắm công nghiệp 3P+N+E 16A 380~420V	140.000
	MDP-025 (60c/thùng) • Phích cắm công nghiệp 3P+N+E 32A 380~420V	125.000		MDP-225 (60c/thùng) • Ổ cắm công nghiệp 3P+N+E 32A 380~420V	170.000
	MDP-315 (60c/thùng) • Ổ cắm công nghiệp gắn tủ 3P+N+E 16A 380~420V	102.000		MDP-115 (60c/thùng) • Ổ cắm công nghiệp cố định 3P+N+E 16A 380~420V	150.000
	MDP-325 (60c/thùng) • Ổ cắm công nghiệp gắn tủ 3P+N+E 32A 380~420V	143.000		MDP-125 (60c/thùng) • Ổ cắm công nghiệp cố định 3P+N+E 32A 380~420V	176.000
	MDP-313 (120c/thùng) • Ổ cắm công nghiệp gắn tủ 2P+E 16A 220~250V	80.000		MDP-113 (60c/thùng) • Ổ cắm công nghiệp cố định 2P+E 16A 220~250V	90.000
	MDP-323 (60c/thùng) • Ổ cắm công nghiệp gắn tủ 2P+E 32A 220~250V	116.000		MDP-123 (60c/thùng) • Ổ cắm công nghiệp cố định 2P+E 32A 220~250V	147.000
	MDP-324 (60c/thùng) • Ổ cắm công nghiệp gắn tủ 3P+E 32A 380~420V	127.000		MDP-114 (60c/thùng) • Ổ cắm công nghiệp cố định 3P+E 16A 380~420V	137.000
				MDP-124 (60c/thùng) • Ổ cắm công nghiệp cố định 3P+E 32A 380~420V	157.000
	MDP-1013 (20c/thùng) • Ổ cắm chia 3 công nghiệp 2P+E 16A 220~250V	300.000		MDP6252 (60c/thùng) • 32A-380V-420V-3P+E+N-IP67	200.000
				MDP625 (60c/thùng) • 32A-380V-420V-3P+E+N-IP44	175.000

MDCE
An toàn - Tiêu chuẩn - Chất lượng

- ✓ Vỏ nhựa PC chịu nhiệt cao, chống cháy, chống va đập
- ✓ An toàn cho trẻ nhỏ
- ✓ An toàn ngoài trời
- ✓ 5.000 lần cắm rút không bị lỏng

SỬ DỤNG Ổ CHỤT TẢI ĐA NĂNG NGOÀI TRỜI MDCE

HIỆU QUẢ - AN TOÀN CHI PHÍ HỢP LÝ

CTY XNK MD
Nhà Sản Xuất Phích Ổ Cắm Công Nghiệp Hàng Đầu Việt Nam

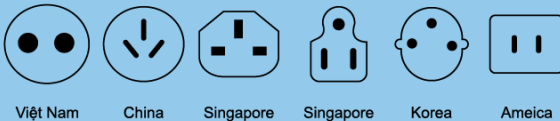
www.phichcongnghiep.com
www.mdce.vn

NHỮNG TRƯỜNG HỢP KHÔNG NÊN DÙNG
(CHI PHÍ CAO, KHÔNG AN TOÀN, KHÔNG THẨM MỸ)

Báo giá Phích cắm và Ổ cắm 3500w chịu tải đa năng chuyên dụng ngoài trời IP54

	<p>MD1DN2S Ổ cắm dân dụng 3 IP54</p> <ul style="list-style-type: none"> • 1 Cái /Hộp • 20 Cái /Thùng 	78.000		<p>MD1DN3S Ổ cắm dân dụng 4 IP54</p> <ul style="list-style-type: none"> • 1 Cái /Hộp • 20 Cái /Thùng 	99.000
	<p>MD012NTD Phích cắm chịu tải ngang kiểu Schuko có tiếp địa IP54</p> <ul style="list-style-type: none"> • 20 Cái /Hộp • 200 Cái /Thùng 	18.000		<p>MD012N Phích cắm dân dụng chịu tải ngang IP54</p> <ul style="list-style-type: none"> • 20 Cái /Hộp • 200 Cái /Thùng 	15.500
	<p>MD012D Phích cắm dân dụng chịu tải dọc IP54</p> <ul style="list-style-type: none"> • 20 Cái /Hộp • 120 Cái /Thùng 	16.000		<p>MD012DTD Phích cắm chịu tải dọc kiểu Schuko có tiếp địa IP54</p> <ul style="list-style-type: none"> • 20 Cái /Hộp • 120 Cái /Thùng 	20.000

Ổ đa năng cắm được hầu hết các loại phích cắm trên thế giới
(Universal socket is suitable for almost all plugs in the world)



THÔNG SỐ LẮP ĐẶT DÂY NGUỒN
(Installation power cord)

Công suất (Power) (P)	Dây mềm (flexible cords) (mm ²)
2200 W + 3500 W	1.0 + 1.5
4800 W + 8000 W	2.5 + 4.0



HỘP NGUỒN THI CÔNG ĐA NĂNG



THI CÔNG CÔNG TRƯỜNG



THI CÔNG MÁI TÔN



**CHỐNG NƯỚC, CHỐNG BỤI
IP54**

NHỰA ABS CHỐNG VỠ CHỐNG VA ĐẬP

AN TOÀN LÀ TRÊN HẾT

- 1** Chống giật dòng cắt 0,03A
- 2** Tiện dụng dễ di chuyển lắp đặt thích hợp dân dụng và công nghiệp
- 3** Chống vỡ, chống nước





Báo giá một số hộp nguồn thi công thông dụng:

	<p>MD1609 Hộp nhựa ABS chống vỡ IP54, KT: 35x17x09, 1 Át chống giật Chint 32A (dòng cắt 0,03A), 3 ổ 1609, 2 ổ 3x16A, 1 đèn báo</p>	<p>760.000</p>		<p>MDP4-P313 Hộp nhựa ABS chống vỡ IP54, KT: 35x17x09, 1 Át chống giật Chint 32A (dòng cắt 0,03A), 4 ổ MDP 3x16A, 1 đèn báo</p>	<p>1.155.000</p>
	<p>MD4-313 Hộp nhựa ABS chống vỡ IP54, KT: 35x17x09, 1 Át chống giật Chint 32A (dòng cắt 0,03A), 4 ổ 3x16A, 1 đèn báo</p>	<p>720.000</p>		<p>MDBOX IP67 Hộp nhựa KT: 200x200x150, 01 Át chống giật 32A, Chint 32A (dòng cắt 0.03A) 3 ổ 3x16A IP67</p>	<p>650.000</p>
	<p>MD4-P3132 Hộp nhựa ABS chống vỡ IP54, KT: 35x17x09, 1 Át chống giật Chint 32A (dòng cắt 0,03A), 4 ổ 3x16A-IP67, 1 đèn báo</p>	<p>1.260.000</p>		<p>MDBOX Hộp nguồn nhựa 1 pha Hộp nhựa KT: 200x200x150, 01 Át chống giật 32A, Chint 32A (dòng cắt 0.03A) 3 ổ 3x16A IP44</p>	<p>380.000</p>
	<p>MD2-324+2-313 Hộp nhựa ABS chống vỡ IP54, KT: 35x17x09, 1 Át chống giật Chint 3P-40A (dòng cắt 0,03A), 2 ổ 4x32A, 2 ổ 3x16A, 1 đèn báo</p>	<p>1.218.000</p>		<p>MDBOX S3-S1 Hộp nhựa KT: 420x320x160, 01 Át chống giật 1 pha 32A, 01 Át chống giật 3 pha 40A, 4 ổ 3x16A IP44, 2 ổ 4x32 IP44</p>	<p>4.500.000</p>

Hộp nguồn thi công sắt MDCE

STT	Diễn giải	ĐVT	Số lượng	Hình ảnh
1	Bộ vỏ hộp nguồn thi công khung sắt dày 1.2mm (Tiêu chuẩn Contecon, Recon...)	Bộ	01	
2	Aptomat chống giật RBCO 1P+N 32A Chint hoặc RBCB 32A MDCE	Chiếc	01	
3	Ổ cắm công nghiệp gắn từ 3x16AMD313 có gioăng cao su chống nước	Chiếc	04	
4	Đầu nối bằng dây điện 2.5 có đầu nhúng thiếc	Mét	02	
5	Kích thước hộp 280x280x300mm			
6	Trọng lượng 5kg			



Hộp nguồn thi công vỏ nhựa MDCE

STT	Diễn giải	ĐVT	Số lượng	Hình ảnh
1	Bộ vỏ hộp nguồn thi công khung sắt vỏ nhựa dày 1.2mm (Tiêu chuẩn Contecon, Recon...)	Bộ	01	
2	Aptomat chống giật RBCO 1P+N 32A Chint hoặc RBCB 32A MDCE	Chiếc	01	
3	Ổ cắm công nghiệp gắn từ 3x16AMD313 có gioăng cao su chống nước	Chiếc	04	
4	Đầu nối bằng dây điện 2.5 có đầu nhúng thiếc	Mét	02	
5	Kích thước hộp 280x280x300mm			
6	Trọng lượng 3kg			



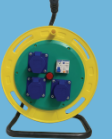







Báo giá một số loại hộp nguồn thi công thông dụng

	<p>MDBOX.S1.03 Hộp nguồn 1 pha Hộp sắt. - Kích thước 280x280x300mm - 1 Át chống giật Chint 32A (dòng cắt 0.03A) - 3 ổ 3x16A, 1 ổ 3x32A</p>	1.026.000		<p>MDBOX.SNV1.03 Hộp nguồn 1 pha Hộp khung sắt vỏ nhựa. - Kích thước 280x280x300mm - 1 Át chống giật Chint 32A (dòng cắt 0.03A) - 3 ổ 3x16A, 1 ổ 3x32A</p>	910.000
	<p>MDBOX.S1.01 Hộp nguồn 1 pha Hộp sắt. - Kích thước 280x280x300mm - 1 Át chống giật MDCE 32A (dòng cắt 0.03A) - 3 ổ 3x16A, 1 ổ 3x32A</p>	970.000		<p>MDBOX.SNV1.02 Hộp nguồn 1 pha Hộp khung sắt vỏ nhựa. - Kích thước 280x280x300mm - 1 Át chống giật MDCE 32A (dòng cắt 0.03A) - 3 ổ 3x16A, 1 ổ 3x32A</p>	875.000
	<p>MDBOX.S3.01 Hộp nguồn 3 pha Hộp sắt. - Kích thước 280x280x300mm - 1 Át chống giật 3 pha 40A Chint 32A (dòng cắt 0.03A) - 4 ổ 4x32A</p>	1.682.000		<p>MDBOX.SNV3.04 Hộp nguồn sắt 1 pha - 3 pha Hộp khung sắt vỏ nhựa. - Kích thước 280x280x300mm - 1 Át chống giật 3 pha 40A Chint 32A (dòng cắt 0.03A) - 2 ổ 4x32A, 2 ổ 3x16A</p>	1.326.000
	<p>MDBOX.S3.04 Hộp nguồn 3 pha Hộp sắt. - Kích thước 280x280x300mm - 1 Át chống giật 3 pha 40A Chint 32A (dòng cắt 0.03A) - 2 ổ 5x32A, 2 ổ 4x32A</p>	1.790.000		<p>MDBOX.SNV3.03 Hộp nguồn sắt 3 pha Hộp khung sắt vỏ nhựa. - Kích thước 280x280x300mm - 1 Át chống giật 3 pha 40A Chint 32A (dòng cắt 0.03A) - 2 ổ 5x32A, 2 ổ 4x32A</p>	1.450.000




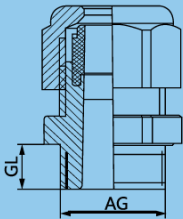
Báo giá một số loại Rulo điện công nghiệp thông dụng:

Sản phẩm chưa bao gồm dây điện (quấn được tối đa dây 3x2.5: 50m)

	<p>RLRBCO 3-313</p> <ul style="list-style-type: none"> Rulo khung sắt, vỏ nhựa ABS chống vỡ Kích thước: 356x222x462mm Thông số: <ul style="list-style-type: none"> - 1 RBCO chint 32A(dòng cắt 0.03A) - 3 ổ 3x16A MDCE - 1 đèn báo 	<p>920.000</p>		<p>RL3P 2-313,2-324</p> <ul style="list-style-type: none"> Rulo khung sắt, vỏ nhựa ABS chống vỡ Kích thước: 356x222x462mm Thông số: <ul style="list-style-type: none"> - 2 ổ 3x16A MDCE, 2 ổ 4x32A MDCE - 1 đèn báo 	<p>970.000</p>
	<p>RLRBCB 2-312,1-313</p> <ul style="list-style-type: none"> Rulo khung sắt, vỏ nhựa ABS chống vỡ Kích thước: 356x222x462mm Thông số: <ul style="list-style-type: none"> - 1 RBCB MDCE 32A(dòng cắt 0.03A) - 1 ổ 3x16A MDCE, 2 ổ 2-312 SX - 1 đèn báo 	<p>910.000</p>		<p>RL3PRBCO 2-P314</p> <ul style="list-style-type: none"> Rulo khung sắt, vỏ nhựa ABS chống vỡ Kích thước: 356x222x462mm Thông số: <ul style="list-style-type: none"> - 1 RBCO 3P+N chint 40A - 2 ổ 4x16A MDPLUS - 1 đèn báo 	<p>1.340.000</p>
	<p>RLRBCB 3-313</p> <ul style="list-style-type: none"> Rulo khung sắt, vỏ nhựa ABS chống vỡ Kích thước: 356x222x462mm Thông số: <ul style="list-style-type: none"> - 1 RBCB MDCE 32A(dòng cắt 0.03A) - 3 ổ 3x16A MDCE - 1 đèn báo 	<p>880.000</p>		<p>RL3PRBCO 2-324</p> <ul style="list-style-type: none"> Rulo khung sắt, vỏ nhựa ABS chống vỡ Kích thước: 356x222x462mm Thông số: <ul style="list-style-type: none"> - 1 RBCO 3P+N chint 40A - 2 ổ 4x32A MDCE - 1 đèn báo 	<p>1.300.000</p>
	<p>RLRBCO 2-312</p> <ul style="list-style-type: none"> Rulo khung sắt, vỏ nhựa ABS chống vỡ Kích thước: 356x222x462mm Thông số: <ul style="list-style-type: none"> - 1 RBCO chint 32A(dòng cắt 0.03A) - 2 ổ 2x16A SCHUKO - 1 đèn báo 	<p>930.000</p>		<p>RL3PMCB 2-P314, 1-312</p> <ul style="list-style-type: none"> Rulo khung sắt, vỏ nhựa ABS chống vỡ Kích thước: 356x222x462mm Thông số: <ul style="list-style-type: none"> - 1 MCB 3P chint 40A - 2 ổ 4x16A MDPLUS, 1 ổ 2x16 MDCE - 1 đèn báo 	<p>1.240.000</p>

Hình ảnh Picture	Mã số/ Diễn giải Cat. No./Description	Đơn giá(VNĐ) (Unit Price)	Hình ảnh Picture	Mã số/ Diễn giải Cat. No./Description	Đơn giá(VNĐ) (Unit Price)
	DM5m • Dây m�i � 4 dài 5m	25.000		DM10m • Dây m�i � 4 dài 10m	42.000
	DM15m • Dây m�i � 4 dài 15m	52.000		DM20m • Dây m�i � 4 dài 20m	70.000
	LXM16 • L� xo uốn ống �16, loại m�i LXP16 • L� xo uốn ống �16, loại không m�i	39.000 25.000		LXM20 • L� xo uốn ống �20, loại m�i LXP20 • L� xo uốn ống �20, loại không m�i	54.000 35.000
	LXM25 • L� xo uốn ống �25, loại m�i LXP25 • L� xo uốn ống �25, loại không m�i	75.000 50.000		LXM32 • L� xo uốn ống �32, loại m�i LXP32 • L� xo uốn ống �32, loại không m�i	98.000 62.000
	DMKL10m • Dây m�i kim loại vàng 10m, đầu bánh xe	142.000		DMKL15m • Dây m�i kim loại vàng 15m, đầu bánh xe	214.000
	DMKL20m • Dây m�i kim loại vàng 20m, đầu bánh xe	285.000		DM15m • Dây m�i l�n điện Đ�i Loan 15m xoắn 3	150.000
	DM20m • Dây m�i l�n điện Đ�i Loan 20m xoắn 3	200.000		DM30m • Dây m�i l�n điện Đ�i Loan 30m xoắn 3	350.000
	DM50m • Dây m�i l�n điện Đ�i Loan 50m xoắn 3	600.000		DM10m • Dây m�i l�n điện Đ�i Loan 10m xoắn 3	120.000

Hình ảnh Hình	Model	Cỡ dây	Lỗ khoét (AG)	Giá (VNĐ) (Cái/túi)
	PG 7	3~6,5	M12x1.5	1.500/150.000
	PG 9	4~8	M16x1.5	2.200/220.000
	PG 11	5~10	M18x1.5	2.500/250.000
	PG 13.5	6~12	M20x1.5	2.600/260.000
	PG 16	10~14	M22x1.5	3.300/330.000
	PG 19	12~16	M24x1.5	3.800/380.000
	PG 21	13~18	M25x1.5	5.000/500.000
	PG 25	16~21	M30x1.5	6.000/600.000
	PG 29	18~25	M36x1.5	7.500/750.000
	PG 36	22~32	M40x1.5	13.000
	PG 42	32~38	M50	18.000
	PG 48	37~44	M63	20.000
	PG 63	42~50		40.000
	MIX 11~21			380.000



Ghi chú:

Quy cách đóng gói: 100 cái/túi to. Gồm 5 loại Mix dưới:

- + Loại Mix PG11: 20 cái/túi
- + Loại Mix PG13.5: 20 cái/túi
- + Loại Mix PG16: 20 cái/túi
- + Loại Mix PG19: 20 cái/túi
- + Loại Mix PG21: 20 cái/túi



3pol 4pol 5pol
4h 4h 4h



3pol 4pol 5pol
6h 9h 9h



3pol 4pol 5pol
9h 6h 6h



3pol 4pol 5pol
7h 7h 7h



3pol 4pol 5pol
10h 10h 10h



3pol 4pol 5pol
2h 2h 2h



极数 3
2P+E



4
3P+E



5
3P+N+E

Hướng dẫn đọc mã sản phẩm Phích cắm, ổ cắm công nghiệp MDCE

Phích cắm 0
Ổ cố định 1
Ổ di động 2
Ổ gắn tủ 3

Ví dụ:

- MD013: phích cắm 16A 3 chân

1 2 3 4
16A 32A 63A 125A

Phích cắm



Ổ cắm di động



Ổ cố định



Ổ gắn tủ



2 3 4 5
2 chân 1P 3 chân 1P 4 chân 3P 5 chân 3P

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

STT	Diễn giải	ĐVT	Số lượng
1	Metal Enclosure, Powder Coating	Pcs	1
2	Easy 9 RCBO 1P+N-32A-4,5kA-30mA	Pcs	1
3	Surface Mounted Socket 2P+E 240V-32A IP44	Set	1
4	Surface Mounted Socket 2P+E 240V-16A IP44	Set	3
5	Produc dimension (mm) H x W x L	Set	1
6	Metal Enclosure, Powder Coating	mm	280 x 280 x 300
7	Net Weight	kg	~05

STT	Diễn giải	ĐVT	Số lượng
1	Hộp 20x20 nhựa cứng	Cái	1
2	AT chống giật CHNT RBCO 1P+1N-32A-4,5KA-30	Cái	1
3	Ổ cắm công nghiệp 3x16A	Cái	3

HỘP NGUỒN THI CÔNG



Ap RCBO chống giật 32A

Đèn báo trạng thái

Đầu nối chống nước PG 16

Ổ cắm đa năng 10A

Ổ cắm công nghiệp 1 pha 3 chân 16A

Tiêu chuẩn dòng điện và màu sắc

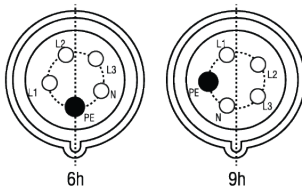
DÒNG ĐIỆN

MÀU SẮC

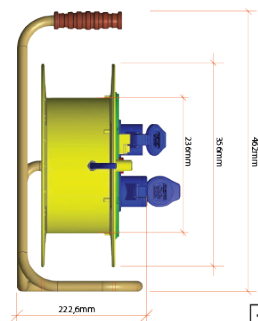
20-25V	Tím
40-50V	Trắng
100-130V	Vàng
200-250V	Xanh
380-480V	Đỏ
500-690V	Đen
>60-50Hz	Xanh lá cây

Tiêu chuẩn chân tiếp địa

Ô nhiễm của tiếp xúc tiếp đất.
Xem: ổ cắm phía trước hoặc kết nối
Pollution or the earthing contact.
View: frontside socket or connector



Kích thước Rulo công nghiệp MDCE:



THÔNG SỐ CHI TIẾT

1 SỐ SẢN PHẨM THÔNG DỤNG MDCE

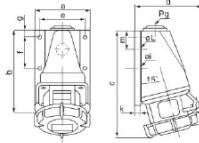
Xuất hiện/Appearance

Thông số/Specifications

1142 1242



电流 Current(A): 16A, 32A
 电压 Voltage(V): 380-415V~ 3P+E
 防护等级 Protection degree: IP67 ▲▲

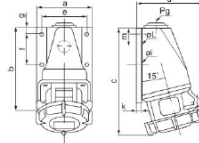


		6h		
earth contact position		16	32	
rated current(A)		pole		
dimension(mm)		a	71	81
		b	80	100
		c	140	165
		d	82	94
		e	60	70
		f	33.5	47.5
		g	13	12.5
		h	5.3	5.3
		k	8.5	8.5
		l	23	23
		m	37	33
		pg	21	21
cable nominal cross-section area(mm ²)		1-2.5	2.5-6	

1152 1252



电流 Current(A): 16A, 32A
 电压 Voltage(V): 220-380V~ 3P+N+E
 防护等级 Protection degree: IP67 ▲▲

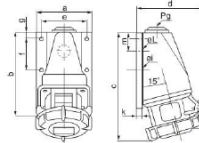


		6h		
earth contact position		16	32	
rated current(A)		pole		
dimension(mm)		a	81	81
		b	100	100
		c	156	165
		d	90	94
		e	70	70
		f	47.5	47.5
		g	12.5	12.5
		h	5.3	5.3
		k	8.5	8.5
		l	23	23
		m	37	33
		pg	21	21
cable nominal cross-section area(mm ²)		1-2.5	2.5-6	

1132 1232



电流 Current(A): 16A, 32A
 电压 Voltage(V): 220-240V~ 2P+E
 防护等级 Protection degree: IP67 ▲▲

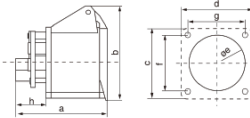


		6h		
earth contact position		16	32	
rated current(A)		pole		
dimension(mm)		a	71	81
		b	85	95
		c	140	100
		d	85	88
		e	70	70
		f	33.5	47.5
		g	10	12.5
		h	5	5.3
		k	8	8.5
		l	20	23
		m	35	33
		pg	22	21
cable nominal cross-section area(mm ²)		1-2.5	2.5-6	

313 323



Hiện hành/Current(A): 16A, 32A
 Vôn/Voltage(V): 220-240V~ 2P+E
 Bảo vệ/ Protection degree: IP44 ▲

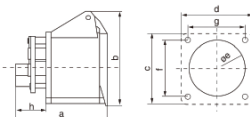


		6h		
earth contact position		16	32	
rated current(A)		pole		
dimension(mm)		a	74	91
		b	70	88
		c	70	70
		d	70	70
		e	56	56
		f	56	56
		g	56	56
		h	24	29
cable nominal cross-section area(mm ²)		1-2.5	2.5-6	

314 324



Hiện hành/Current(A): 16A, 32A
 Vôn/Voltage(V): 380-415V~ 3P+E
 Bảo vệ/ Protection degree: IP44 ▲



		6h		
earth contact position		16	32	
rated current(A)		pole		
dimension(mm)		a	76	90
		b	80	87
		c	70	70
		d	70	70
		e	56	56
		f	56	56
		g	56	56
		h	25	30
cable nominal cross-section area(mm ²)		1-2.5	2.5-6	

THÔNG SỐ CHI TIẾT 1 SỐ SẢN PHẨM THÔNG DỤNG MDCE

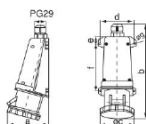
Xuất hiện/Appearance

Thông số/Specifications

133 143



电流 Current(A): 63A, 125A
电压 Voltage(V): 220-240V~ 2P+E
防护等级 Protection degree: IP67 ▲▲

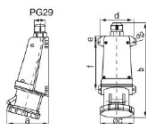


earth contact position		6h	
rated current(A)		63	125
		pole	
		3	
dimension(mm)		a	134
		b	311
		c	108
		d	111
		e	20
		f	153
		g	6
cable nominal cross-section area(mm ²)		6-16	16-50

134 144



电流 Current(A): 63A, 125A
电压 Voltage(V): 380-415V~ 3P+E
防护等级 Protection degree: IP67 ▲▲

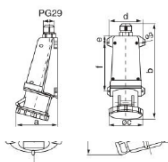


earth contact position		6h	
rated current(A)		63	125
		pole	
		4	
dimension(mm)		a	134
		b	311
		c	108
		d	111
		e	20
		f	153
		g	6
cable nominal cross-section area(mm ²)		6-16	16-50

135 145



电流 Current(A): 63A, 125A
电压 Voltage(V): 220-380V~
240-415V~ 3P+N+E
防护等级 Protection degree: IP67 ▲▲



earth contact position		6h	
rated current(A)		63	125
		pole	
		5	
dimension(mm)		a	134
		b	311
		c	108
		d	111
		e	20
		f	153
		g	6
cable nominal cross-section area(mm ²)		6-16	16-50
cable nominal cross-section area(mm ²)		1-2.5	2.5-6

3142 3242



电流 Current(A): 16A, 32A
电压 Voltage(V): 380-415V~ 3P+E
防护等级 Protection degree: IP67 ▲▲



earth contact position		6h	
rated current(A)		16	32
		pole	
		4	
dimension(mm)		axb	65
		axd	54
		e	5.5
		f	7
		i	56
		L	50
		60	60
cable nominal cross-section area(mm ²)		1-2.5	2.5-6

3152 3252



电流 Current(A): 16A, 32A
电压 Voltage(V): 220-380V~
240-415V~ 3P+N+E
防护等级 Protection degree: IP67 ▲▲

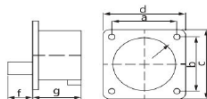


earth contact position		6h	
rated current(A)		16	32
		pole	
		5	
dimension(mm)		axb	75
		axd	60
		e	5.5
		f	7
		i	58
		L	55
		60	60
cable nominal cross-section area(mm ²)		1-2.5	2.5-6

613 623



电流 Current(A): 16A, 32A
电压 Voltage(V): 220-240V~2P+E
防护等级 Protection degree: IP44 ▲

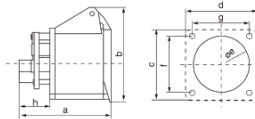


earth contact position		6h	
rated current(A)		16	32
		pole	
		3	
dimension(mm)		a	56
		b	56
		c	70
		d	70
		e	45
		f	23
		g	42
		51	51
cable nominal cross-section area(mm ²)		1-2.5	2.5-6

315 325



Hiện hành/Current(A): 16A. 32A
 Vôn/Voltage(V): 220-240V~ 3P+N+E
 240-415V~
 Bảo vệ/ Protection degree: IP44

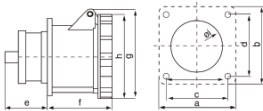


earth contact position	6h		
rated current(A)	16	32	
	pole		
	5	5	
dimension(mm)	a	76	93
	b	86	95
	c	70	70
	d	70	70
	e	56	56
	f	56	56
	g	56	56
	h	26	28
cable nominal cross-section area(mm ²)	1-2.5	2.5-6	

333 343



Hiện hành/Current(A): 63A. 125A
 Vôn/Voltage(V): 220-240V~ 2P+E
 Bảo vệ/ Protection degree: IP67

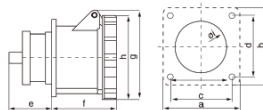


earth contact position	6h		
rated current(A)	63	125	
	pole		
	3		
dimension(mm)	a	100	120
	b	100	120
	c	80	101
	d	80	101
	e	54.5	68
	f	88	96
	g	114	129
	h	108	122
	i	70	88
cable nominal cross-section area(mm ²)	6-16	16-50	

334 344



Hiện hành/Current(A): 63A. 125A
 Vôn/Voltage(V): 380-415V~ 3P+E
 Bảo vệ/ Protection degree: IP67

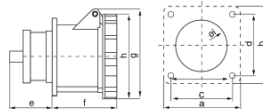


earth contact position	6h		
rated current(A)	63	125	
	pole		
	4		
dimension(mm)	a	100	120
	b	100	120
	c	80	101
	d	80	101
	e	54.5	68
	f	88	96
	g	114	129
	h	108	122
	i	70	88
cable nominal cross-section area(mm ²)	6-16	16-50	

335 345



Hiện hành/Current(A): 63A. 125A
 Vôn/Voltage(V): 220-380V~ 3P+N+E
 240-415V~
 Bảo vệ/ Protection degree: IP67

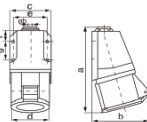


earth contact position	6h		
rated current(A)	63	125	
	pole		
	5		
dimension(mm)	a	100	120
	b	100	120
	c	80	101
	d	80	101
	e	54.5	68
	f	88	96
	g	114	129
	h	108	122
	i	70	88
cable nominal cross-section area(mm ²)	6-16	16-50	

113 123



Hiện hành/Current(A): 16A. 32A
 Vôn/Voltage(V): 220-240V~ 2P+E
 Bảo vệ/ Protection degree: IP44

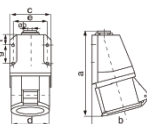


earth contact position	6h		
rated current(A)	16	32	
	pole		
	3		
dimension(mm)	a	135	153
	b	92	102
	c	71	71
	d	50	65
	e	57	57
	f	20	20
	g	32.5	32.5
	h	6.5	6.5
cable nominal cross-section area(mm ²)	1-2.5	2.5-6	

114 124



Hiện hành/Current(A): 16A. 32A
 Vôn/Voltage(V): 380-415V~ 3P+E
 Bảo vệ/ Protection degree: IP44



earth contact position	6h		
rated current(A)	16	32	
	pole		
	4		
dimension(mm)	a	140	152
	b	95	104
	c	71	71
	d	56	64.5
	e	57	57
	f	20	20
	g	32.5	32.5
	h	6.5	6.5
cable nominal cross-section area(mm ²)	1-2.5	2.5-6	

THÔNG SỐ CHI TIẾT

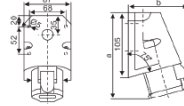
1 SỐ SẢN PHẨM THÔNG DỤNG MDPLUS

Xuất hiện/Appearance

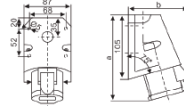
Thông số/Specifications



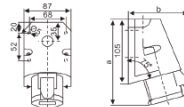
earth contact position	6h	
rated current(A)	16	32
	pole	
	3	
dimension(mm)	a	137
	b	87
cable nominal cross-section area(mm ²)	1-2.5	2.5-6



earth contact position	6h	
rated current(A)	16	32
	pole	
	4	
dimension(mm)	a	139
	b	95
cable nominal cross-section area(mm ²)	1-2.5	2.5-6

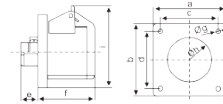


earth contact position	6h	
rated current(A)	16	32
	pole	
	5	
dimension(mm)	a	138
	b	99
cable nominal cross-section area(mm ²)	1-2.5	2.5-6



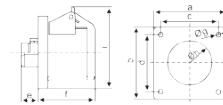
earth contact position	6h	
rated current(A)	16	32
	pole	
	3	
dimension(mm)	axb	75
	cx	61
	cd	61
	e	22
	f	24
	g	60
	h	70
	i	5.5
	j	5.5
k	43	
l	54	
m	87	
n	95	
cable nominal cross-section area(mm ²)	1-2.5	2.5-6

Hiện hành/Current(A): 16A, 32A
 Vôn/Voltage(V): 220-240V- 2P+E
 Bảo vệ/ Protection degree: IP44



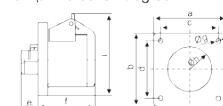
earth contact position	6h	
rated current(A)	16	32
	pole	
	4	
dimension(mm)	axb	75
	cx	61
	cd	61
	e	17
	f	24
	g	59
	h	69
	i	5.5
	j	5.5
k	49	
l	55	
m	88	
n	95	
cable nominal cross-section area(mm ²)	1-2.5	2.5-6

Hiện hành/Current(A): 16A, 32A
 Vôn/Voltage(V): 380-415V- 3P+E
 Bảo vệ/ Protection degree: IP44



earth contact position	6h	
rated current(A)	16	32
	pole	
	5	
dimension(mm)	axb	75
	cx	61
	cd	61
	e	17
	f	22
	g	59
	h	71
	i	5.5
	j	5.5
k	53	
l	60	
m	92	
n	100	
cable nominal cross-section area(mm ²)	1-2.5	2.5-6

Hiện hành/Current(A): 16A, 32A
 Vôn/Voltage(V): 220-380V- 3P+N+E
 240-415V-
 Bảo vệ/ Protection degree: IP44



LỖ LUỒN DÂY

Mềm và chắc chắn luồn được dây to

NHỰA PBT

Chịu nhiệt cao chống cháy

CHÂN ĐỒNG DÀI VÀ ĐẶC

Tăng độ tiếp xúc điện

PHÍCH CÔNG NGHIỆP MDCE HÀNG VIỆT NAM CHẤT LƯỢNG CAO

Tất cả các sản phẩm của công ty được sử dụng bằng 100% nhựa nguyên sinh.

**CHẤT LƯỢNG
CAO**

**ĐỒNG THAU
ĐẶC**

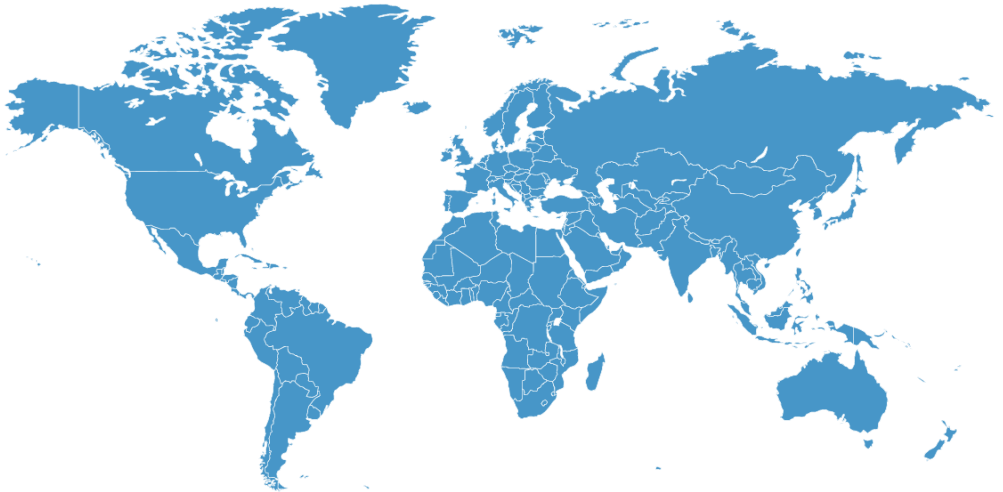
**CHỐNG
NƯỚC**



DÂY 2,5 DÙNG ĐƯỢC MÁY HÀN

Sản phẩm duy nhất trên thị trường
sử dụng dây 2,5 sử dụng được
cả máy hàn

CHIA 3 CÔNG NGHIỆP CAO CẤP MDCE



NHÀ SẢN XUẤT VÀ PHÂN PHỐI PHỊCH Ở CẨM
CÔNG NGHIỆP HÀNG ĐẦU VIỆT NAM

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XUẤT NHẬP KHẨU MẠNH DŨNG
MANH DUNG TRADE AND EXPORT COMPANY LIMITED

Địa chỉ: Số 10 ngõ 202 đường Cổ Linh, P. Long Biên,
Q. Long Biên, TP. Hà Nội

Nhà máy sản xuất: Đạo Sủi, TT Thứa, Lương Tài, Tỉnh Bắc Ninh
Chi nhánh TP.HCM: 77 đường số 13, phường Bình Hưng Hòa,
Quận Bình Tân, TP Hồ Chí Minh

Email: phichcongnghiepm@gmail.com

Website1: phichcongnghiep.com - Website2: mdce.vn

MST: 0107941659

Điện thoại: 024 6655 6202 - 0868 35 99 66



MDCE
An toàn - Tiêu chuẩn - Chất lượng

MDPLUS
Phịch ở cẩm công nghiệp cao cấp